

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN E&S
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN E&S

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: E&S

2. Mã số doanh nghiệp: 3502365578

3. Ngày thành lập: 20/06/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

B12 Khu Trung tâm Đô thị Chí Linh, Phường Nguyễn An Ninh, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0254 211825

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
2.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
3.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
4.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
5.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
6.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
7.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
8.	Sản xuất đồng hồ	2652
9.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
10.	Sản xuất bị, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
11.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
12.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
13.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
14.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
15.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
16.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
17.	Sản xuất máy luyện kim	2823
18.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
19.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
20.	Sản xuất xe có động cơ	2910

21.	Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
22.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
23.	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011
24.	Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí	3012
25.	Sản xuất nhạc cụ	3220
26.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
27.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
28.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
29.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
30.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
31.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
32.	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	3510
33.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
34.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
35.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
36.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
37.	Tái chế phế liệu	3830
38.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
39.	Xây dựng nhà các loại	4100
40.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
41.	Xây dựng công trình công ích	4220
42.	Phá dỡ	4311
43.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
44.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
45.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
46.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
47.	Bán mô tô, xe máy	4541
48.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
49.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
50.	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
51.	Bán buôn gạo	4631
52.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
53.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết; nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm, dụng cụ thể dục, thể thao.	4649
54.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
55.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

56.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
57.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
58.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
59.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
60.	Dịch vụ đóng gói	8292
61.	Trồng cây ăn quả	0121
62.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
63.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
64.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
65.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
66.	Bán buôn đồ uống	4633
67.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
68.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
69.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
70.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
71.	Thu gom rác thải độc hại	3812
72.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
73.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
74.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
75.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
76.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
77.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
78.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
79.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ dưỡng, khu du lịch, bãi cắm trại.	5510
80.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
81.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
82.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
83.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
84.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
85.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
86.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

87.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
88.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
89.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
90.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
91.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
92.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
93.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
94.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
95.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: kinh doanh các loại vui chơi giải trí, du thuyền;	9329
96.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
97.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: vận tải hành khách theo hợp đồng bằng ô tô	4932
98.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
99.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
100.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
101.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
102.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
103.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
104.	Bốc xếp hàng hóa	5224
105.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
106.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
107.	Quảng cáo	7310
108.	Hoạt động thú y	7500
109.	Đại lý du lịch	7911
110.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
111.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
112.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
113.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;	5610
114.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để kinh doanh	6810

115.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
116.	Trồng cây hàng năm khác	0119
117.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
118.	Chăn nuôi lợn	0145
119.	Chăn nuôi gia cầm	0146
120.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
121.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
122.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
123.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
124.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
125.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau, quả, cà phê.	4632
126.	Vận tải đường ống	4940
127.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
128.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
129.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
130.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
131.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
132.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
133.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
134.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
135.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
136.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
137.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
138.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
139.	Khai thác gỗ	0221
140.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
141.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
142.	Trồng lúa	0111
143.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
144.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
145.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
146.	Trồng cây mía	0114
147.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
148.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
149.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
150.	Trồng cây điều	0123

151.	Trồng cây hồ tiêu	0124
152.	Trồng cây cao su	0125
153.	Trồng cây cà phê	0126
154.	Trồng cây chè	0127
155.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, công nghiệp, công trình điện đến 35KV, đường ống cấp thoát nước	4290(Chính)
156.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
157.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
158.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
159.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
160.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
161.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
162.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
163.	Khai thác thủy sản biển	0311
164.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
165.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
166.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
167.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
168.	Sản xuất giống thủy sản	0323
169.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
170.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
171.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
172.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
173.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
174.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
175.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
176.	Sản xuất đường	1072
177.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
178.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
179.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
180.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
181.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
182.	Sản xuất rượu vang	1102
183.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
184.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
185.	Sản xuất sợi	1311
186.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
187.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313

188.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
189.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
190.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
191.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
192.	Sản xuất giày dép	1520
193.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
194.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
195.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
196.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
197.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
198.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
199.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
200.	In ấn	1811
201.	Sao chép bản ghi các loại	1820
202.	Sản xuất than cốc	1910
203.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
204.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
205.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
206.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
207.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
208.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
209.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
210.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
211.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
212.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2212
213.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
214.	Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh	2310
215.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
216.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
217.	Sản xuất xe đạp và xe cho người tàn tật	3092
218.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
219.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
220.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
221.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212

6. Vốn điều lệ: 25.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

Thời gian đăng từ ngày 20/06/2018 đến ngày 20/07/2018

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG DU LỊCH THỂ THAO VŨNG TÀU	B12 Khu trung tâm đô thị Chí Linh, Phường Nguyễn An Ninh, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.450.000	24.500.000.000	98,000	3500773194	
			Tổng số	2.450.000	24.500.000.000	98,000		
2	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THIÊN TÂN	B11/10 Khu đô thị Chí Linh, Phường Nguyễn An Ninh, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	25.000	250.000.000	1,000	3500799403	
			Tổng số	25.000	250.000.000	1,000		
3	NGUYỄN THANH PHONG	102/1 Trần Phú, Phường 5, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	25.000	250.000.000	1,000	035060000872	
			Tổng số	25.000	250.000.000	1,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: CAO VĂN VŨ

Giới tính: Nam

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 01/11/1975

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 273434121

Ngày cấp: 11/12/2007

Nơi cấp: Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: C4-3/6 Chí Linh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: C4-3/6 Chí Linh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu